TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN C** **TỈNH TRÀ VINH** Bản án số: 17/2022/HNGĐ-ST Ngày: 24-6-2022 V/v ly hôn và tranh chấp về nuôi con	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Thảo.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Anh Vũ.
Ông Đặng Huỳnh Tâm.
- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Nhung – Thẩm tra viên của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Tính – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 184/2022/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2022 về *"Ly hôn và tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 86/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm: 1993 *(Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)*.

Cư trú tại: ấp A, xã AT, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Minh K, sinh năm: 1992 *(Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)*.

Cư trú tại: ấp B, xã ATA, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- Con chung của chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Minh K là cháu Nguyễn Khang H, sinh ngày 07-3-2012 *(Có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa)*.

Cư trú tại: ấp A, xã AT, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 07-12-2021 và bản tự khai ngày 10-6-2022, nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Minh K đi đến hôn nhân do tự tìm hiểu quen biết nhau, được cha mẹ hai bên chấp nhận, làm lễ cưới vào năm 2011 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ATA vào ngày 13-8-2012. Có vàng nữ trang ngày cưới 05 chỉ 24K gồm đôi bông tai 01 chỉ, sợi dây chuyền 02 chỉ, tấm lắc

02 chỉ, nhưng quá trình chung sống vợ chồng thống nhất bán hết để làm ăn nên hiện không còn. Sau ngày cưới, vợ chồng sống chung hạnh phúc được đến năm 2014 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cải, cuộc sống chung không còn hạnh phúc. Từ năm 2015, chị về ở bên nhà cha mẹ ruột tại ấp A, xã AT, huyện C và sống ly thân với anh K cho đến nay mà không hàn gắn lại được. Do tình cảm vợ chồng không còn, nên chị khởi kiện xin được ly hôn với anh Nguyễn Minh K.

Về con chung: Chị và anh Nguyễn Minh K có một con chung là Nguyễn Khang H, sinh ngày 07-3-2012. Thời gian vợ chồng ly thân, cháu H sống chung với chị cho đến nay. Khi ly hôn, tùy con muốn sống với cha hoặc mẹ, chưa đặt vấn đề về cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung và nợ chung phải thu, phải trả: Chị xác định chị và anh Nguyễn Minh K không có tài sản chung, không nợ chung của ai, cũng không ai nợ chung của chị và anh K, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị xác định ngoài những giấy tờ đã nộp kèm đơn khởi kiện, thì chị không nộp thêm chứng cứ gì để Tòa án xem xét. Chị cũng không thuộc diện gia đình chính sách nào.

Tại bản tự khai và đơn yêu cầu giải quyết - xét xử vắng mặt cùng ngày 10-6-2022, bị đơn anh Nguyễn Minh K trình bày:

Anh thống nhất toàn bộ các vấn đề theo yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị N là: Anh đồng ý ly hôn với chị N, do vợ chồng đã ly thân thời gian dài mà không hàn gắn được; Con chung là Nguyễn Khang H, sinh ngày 07-3-2012 muốn sống với cha hay mẹ đều được, chưa yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung; Nợ chung phải thu, phải trả: Anh thống nhất xác định không có tài sản chung, không có nợ chung phải thu, phải trả. Anh thống nhất với các chứng cứ chị N đã nộp kèm theo đơn khởi kiện mà Tòa án đã công khai cho anh được biết. Riêng anh không yêu cầu gì, nên không cung cấp chứng cứ gì để Tòa án xem xét.

Tại biên bản lấy lời khai, đơn tự khai và yêu cầu giải quyết - xét xử vắng mặt cùng ngày 10-6-2022, cháu Nguyễn Khang H trình bày: Cha mẹ cháu là Nguyễn Minh K và Nguyễn Thị N. Hiện nay cháu đang sống chung với mẹ. Trường hợp cha mẹ ly hôn, thì nguyện vọng của cháu là muốn được tiếp tục sống chung với mẹ.

Tại phiên tòa hôm nay, chị Nguyễn Thị N, anh Nguyễn Minh K cùng cháu Nguyễn Khang H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, nên không có lời trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi Tòa thụ lý đến thời điểm này Thẩm phán đã chấp hành đúng theo Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự, đảm bảo về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp, xác định tư cách người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thời gian ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử, gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát, cấp và tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng đã thực hiện đầy đủ và đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử thực hiện đầy đủ và đúng theo trình tự pháp luật quy định của phiên tòa sơ thẩm. Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng

như tại phiên tòa, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của đương sự; đối với bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Vị đề nghị áp dụng các Điều 19, 51, 53, 54, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị N: Cho chị N được ly hôn với anh Nguyễn Minh K. Về con chung là Nguyễn Khang H, sinh ngày 07-3-2012 giao cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng, phù hợp với nguyện vọng của con chung; Về cấp dưỡng nuôi con: Do đương sự chưa đặt ra yêu cầu, nên không xem xét; Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này. Về tài sản chung và về nợ chung: Chị N và anh K cùng xác định không có, nên không xem xét giải quyết. Ngoài ra, Vị đề nghị nguyên đơn có nghĩa vụ chịu án phí hôn nhân sơ thẩm, các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân huyện Càng Long nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Chị Nguyễn Thị N là nguyên đơn và anh Nguyễn Minh K là bị đơn trong vụ án, đã được Tòa án nhân dân huyện C triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa xét xử vụ án vào lúc 13 giờ 30 phút ngày 24-6-2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, nhưng chị N, anh K cùng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự theo luật định.

[2] *Về hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Minh K xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ATA vào ngày 15-8-2012, nên hôn nhân giữa anh chị là hôn nhân hợp pháp. Sau ngày cưới, vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc được đến năm 2015 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, do những bất đồng quan điểm trong cuộc sống chung, thiếu sự quan tâm, chăm sóc, tin tưởng lẫn nhau, dẫn đến anh chị tự ý sống ly thân từ đó cho đến hôm nay mà không hàn gắn lại được.

[3] Tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định *"Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau,…"*, nhưng chị N và anh K đã không thực hiện được các nghĩa vụ này với nhau. Hiện tại, anh chị mỗi người mỗi việc, sống ở hai nơi khác nhau, không còn quan tâm, cũng không liên hệ để hàn gắn tình cảm vợ chồng.

[4] Tòa án có thông báo mời hòa giải vào các ngày 31-5-2022, 10-6-2022 để chị N, anh K có cơ hội gặp nhau trao đổi về tình trạng hôn nhân giữa hai người, nhưng anh K đều vắng mặt không lý do. Anh K không thể hiện mong muốn hàn gắn quan hệ vợ chồng với chị N.

[5] Từ những nhận định trên, thấy rằng đời sống chung của vợ chồng chị N, anh K đang trong tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài. Do đó, yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị N là có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình. Nên Tòa án chấp nhận yêu cầu, cho chị N được ly hôn với anh K.

[6] *Về con chung*: Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Minh K có một người con chung tên Nguyễn Khang H, sinh ngày 07-3-2012, hiện đang sống chung với chị N. Tại biên bản lấy lời khai, đơn tự khai và yêu cầu giải quyết - xét xử vắng mặt cùng ngày 10-6-2022, cháu H đều nêu nguyện vọng muốn được sống chung với mẹ trường hợp khi giải quyết cha mẹ ly hôn. Cả chị N và anh K đều thống nhất khi ly hôn tùy nguyện vọng của con muốn sống chung với cha hay mẹ đều được. Do đó, cần xử cho chị N được quyền nuôi con là phù hợp với quy định pháp luật và phù hợp với nguyện vọng của con chung. Vì chị N chưa đặt ra yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] *Về tài sản chung*: Tòa án đã giải thích theo quy định tại Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nhưng chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Minh K cùng thống nhất xác định không có tài sản chung, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[8] *Về nợ chung*: Do chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Minh K cùng thống nhất xác định không nợ ai, cũng không ai nợ anh chị, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[9] *Về án phí hôn nhân sơ thẩm*: Chị Nguyễn Thị N có nghĩa vụ nộp theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 70, 144, 147, 227, 228, 238, 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 19, 51, 53, 54, 56, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 17 Luật phí và lệ phí; Điều 27, Tiểu mục 1.1 Mục 1 Phần II (Danh mục án phí) Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn với anh Nguyễn Minh K.

2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Khang H, sinh ngày 07-3-2012 cho chị Nguyễn Thị N tiếp tục nuôi dưỡng, phù hợp với nguyện vọng của con chung là muốn được sống chung với mẹ.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Minh K chưa đặt ra yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Minh K thống nhất xác định không có tài sản chung, không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Minh K thống nhất xác định không nợ ai, cũng không ai nợ anh chị, không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai số 0010379 ngày 16-5-2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã ATA;
- Lưu: VT; hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh Thảo